

Số: 464/QĐ-THADS

Tây Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-BTP ngày 05/5/2026 của Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 03/6/2026 của Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán THADS tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (đính kèm biểu)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các Phòng chuyên môn, Trưởng các phòng THADS khu vực thuộc Thi hành án dân sự tỉnh thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục QLTHADS (báo cáo);
- Trưởng THADS ( báo cáo)
- Các Phó trưởng THADS (để biết);
- Đăng Công TTTT;
- Lưu .

**KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN  
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN**



**Lê Đức Thọ**

Đơn vị: **Thị hành án dân sự tỉnh Tây Ninh**

Chương: **014**



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số **464** /QĐ- CTHADS ngày **25/6/2026** của

Thị hành án dân sự tỉnh Tây Ninh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán được giao |
|-------|---------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                           | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                   |
| II    | Số thu phí, lệ phí                          | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                      |                   |
| 2     | Phí                                         | 0                 |
|       | Phí thi hành án                             |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            | 0                 |
| 1     | Chi sự nghiệp .....                         |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                      | 0                 |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            | 0                 |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                     |                   |
| 3.1   | Lệ phí                                      |                   |
| 3.2   | Phí                                         |                   |
|       | Phí thi hành án                             |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 171               |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 171               |
| 1     | Chi quản lý hành chính                      | 165               |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            | 0                 |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 165               |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề   | 6                 |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                   |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 6                 |